TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 31

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 8 trong số 5 518 676 là:

A. 800 **B.** 8000 **C.** 80 000 **D.** 8

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dãy số 26, 31, 36, ……, 116 có bao nhiêu số?

A. 19 **B.** 18 **C.** 20 **D.** 21

Câu 3. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 657 677 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 600 000 **B.** 660 000 **C.** 700 000 **D.** 1 000 000

Câu 4. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 3470, hiệu của chúng là 844. Số lớn là:

A. 3001 **B.** 2157 **C.** 2626 **D.** 1313

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 6134 + 815 = 815 + ……

A. 6134 **B.** 5319 **C.** 815 **D.** 6949

Câu 6. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức a + b × 5 với a = 3497, b = 125 là:

A. 4132 **B.** 18 110 **C.** 4122 **D.** 3627

Câu 7. *(0,5 điểm)* 4 thế kỉ = …… năm

A. 400 **B.** 40 **C.** 4000 **D.** 410

Câu 8. *(0,5 điểm)* Lúc 6 giờ đúng, kim giờ và kim phút của đồng hồ tạo thành:

A. góc tù **B.** góc bẹt **C.** góc vuông **D.** góc nhọn

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Cho các số: 577 679, 597 677, 596 777, 697 677, 597 776.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện:

a) 4000 + 112 + 888 = ……

b) 4273 + 3536 − 273 = ……

c) 851 + 4418 + 49 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 5 với a = 5022, b = 611: ……

b) m − n + p với m = 56 216, n = 9200, p = 3372: ……

c) (x + 3405) × 2 với x = 500: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 50 kg …… 6500 kg

b) 5 m^2 5 dm^2 …… 55 dm^2

c) 4 thế kỉ …… 390 năm

d) 512 145 …… 512 155

Câu 13. *(1 điểm)* Hình bình hành ABCD có cạnh AB = 34 cm, cạnh BC = 10 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Chu vi hình bình hành: …… cm

b) Cạnh DC dài: …… cm

c) Cạnh AD dài: …… cm

Câu 14. *(1 điểm)* Dũng mua 4 hộp bút màu, mỗi hộp giá 18 000 đồng và 7 quyển vở, mỗi quyển giá 6000 đồng. Dũng đưa cô bán hàng tờ 200 000 đồng. Hỏi cô bán hàng trả lại Dũng bao nhiêu tiền?

a) Tiền mua bút màu: …… đồng

b) Tiền mua vở: …… đồng

c) Tiền trả lại: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 31

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	B	A	C	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 697 677, 597 776, 597 677, 596 777, 577 679

b) 697 677 − 577 679 = 119 998

Câu 10.

a) 4000 + (112 + 888) = 4000 + 1 000 = 5000

b) (4273 − 273) + 3536 = 4000 + 3536 = 7536

c) (851 + 49) + 4418 = 900 + 4418 = 5318

Câu 11.

a) 5022 + 611 × 5 = 5022 + 3055 = 8077

b) 56 216 − 9200 + 3372 = 47 016 + 3372 = 50 388

c) (500 + 3405) × 2 = 3905 × 2 = 7810

Câu 12.

a) 6050 < 6500

b) 505 > 55

c) 400 > 390

d) 512 145 < 512 155

Câu 13.

a) (34 + 10) × 2 = 88 (cm)

b) DC = AB = 34 cm

c) AD = BC = 10 cm

Câu 14.

Bút màu: 18 000 × 4 = 72 000 (đồng)

Vở: 6000 × 7 = 42 000 (đồng)

Trả lại: 200 000 − 114 000 = 86 000 (đồng)